ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN NỀN GIÁO DỤC THEO HƯỚNG CHUẨN HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÃ HỘI HÓA, DÂN CHỦ HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

GS.TS. PHAN VĂN KHA
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết TW 2 Khóa XIII và các Nghị quyết khóa IX, khóa X của Đảng, Nghị quyết 40/2000/QH10 của Quốc hội về đổi mới giáo dục (GD), trong 10 năm qua, ngành GD đã triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001-2010 và đạt được những thành tựu nhất định, đồng thời cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém như nhận định trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X tại đại hội Đảng lần thứ XI.

Trước những hạn chế, yếu kém của GD và để GD đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển đất nước, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định "Đổi mới căn bản, toàn diện nền GD Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lí giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục (CBQLGD) là khâu then chốt".

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, trước hết cần phải xác định rõ nội dung của "đổi mới căn bản, toàn diện GD", tiếp theo là xác định các giải pháp chiến lược thực hiện thành công đổi mới căn bản, toàn diện nền GD nước nhà.

1. Nhận thức về đổi mới căn bản và toàn diện nền GD theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế

1.1. Về đổi mới căn bản và toàn diện nền GD

- Đổi mới toàn diện có thể được hiểu là: đổi mới tất cả các mặt, các thành tố của hệ thống GD: 1) Triết lí GD, tư duy GD, quan điểm chỉ đạo phát triển GD...; 2) Sứ mạng và mục tiêu GD; 3) Quản lí Nhà nước về GD (Tổ chức hệ thống, phân cấp và cơ chế quản lí, cơ cấu khung của hệ thống, công tác quy hoạch, các chính sách, hệ thống giám sát.....); 4) Quản lí nhà trường, quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường; 5) Hoạt động dạy học, đánh giá kết quả GD và các điều kiện đảm bảo (chương trình và tài liệu dạy học, giáo viên (GV) và động lực của GV, cơ sở vật chất và phương tiện dạy học, tài chính, môi trường dạy học...).

- Đổi mới căn bản được hiểu là đổi mới những vấn đề cốt yếu, khâu then chốt, lớn, buộc phải làm, khả thi, khâu đột phá chi phối quá trình phát triển để kiến tạo mô hình GD mới phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước. Để phát triển bền vững cần đổi mới từ trong cách nghĩ, cách làm, trong tư duy (nhận thức, triết lí, quan điểm) đến mục tiêu, sứ mạng của GD, *và hành động* phù hợp với năng lực hiện tại của hệ thống và những cơ hội, thách thức, rào cản do bối cảnh kinh tế- xã hội (KT-XH) của đất nước và do hội nhập quốc tế mang lại.

Cần lưu ý là, đổi mới căn bản, toàn diện không có nghĩa là làm lại tất cả, làm lại từ đầu, *phủ định sạch trơn, mà cần xem xét, kế thừa những gì và phải thay đổi những gì cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước.*

1.2. Về chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa

- Chuẩn hoá là một tiêu chuẩn của hiện đại hoá. Để chuẩn hóa GD cần xây dựng hệ thống chuẩn và thực hiện nâng cấp để các thành tố của nó đạt chuẩn. Trong GD phải tiến tới chuẩn hoá về mọi mặt, từ chương trình, sách giáo khoa, đội ngũ GV ... đến trường lớp, bàn ghế, thiết bị dạy học. Chuẩn hoá nhà trường về mọi mặt là điều kiện cho giáo dục toàn diện và nâng cao chất lượng GD.

- Hiện đại hóa trong GD được hiểu là hiện đại hóa các thành tố của GD, trước hết phải hiện đại hóa nội dung, phương pháp GD và cùng với nó là cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Nội dung GD phải phản ánh những thành tựu mới nhất của các khoa học và thành tựu phát triển KT-XH của đất nước. Phương pháp GD phải được đổi mới theo hướng thức tỉnh tối đa tiềm năng của người học, hình thành và phát triển ở người học những năng lực chung và năng lực chuyên biệt, khả năng thích nghi tốt nhất, nhanh nhất, tinh thần phê phán khách quan, khoa học, tư duy sáng tạo và có phương pháp tự học suốt đời. Ngày nay, nói đến hiện đại hóa GD không thể không nói đến ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào GD.

- Về dân chủ hóa, cần phân biệt ba khái niệm: dân chủ hóa GD, dân chủ hóa nhà trường và dân chủ hóa quản lí GD. Dân chủ hóa GD trước hết thể hiện ở chủ trương GD cho mọi người, mọi người đều có quyền bình đẳng tham gia làm GD, đóng góp ý kiến, giám sát GD; thực hiện công bằng xã hội trong GD. Dân chủ hóa nhà trường thể hiện ở chỗ làm cho nhà trường thực sự là của dân, do dân và vì dân. *Dân chủ hóa*

nhà trường phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ trong mọi quan hệ trong nhà trường (quan hệ giữa GV và học sinh, giữa GV với GV, giữa GV với lãnh đạo nhà trường ...), *đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng*. Dân chủ hóa quản lí GD trước hết là chống quan liêu, phiền hà, tham nhũng trong GD, là thực hiện công khai, minh bạch, công bằng các chính sách, chế độ đối với GV, cán bộ quản lí và người học.

- Xã hội hóa GD thể hiện sự nghiệp GD là của toàn dân, của toàn xã hội, đồng thời mọi người có quyền được hưởng nền GD. Giáo dục phải thực sự là của dân, do dân và vì dân.

2. Về đổi mới tư duy GD và những giải pháp vĩ mô

2.1. *Phát triển GD phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển GD. Đầu tư cho GD là đầu tư phát triển.* Thực hiện các chính sách ưu tiên đối với GD, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương.

2.2. *Phát triển GD hướng tới người học, đảm bảo công bằng về cơ hội tiếp cận GD. Phát triển GD một mặt đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, mặt khác phải thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân, xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời.*

Cần thay đổi nhận thức về người học, người học không phải là đối tượng thụ động của GD để nhà trường và nhà GD áp đặt ý chí của mình. Tùy theo cá tính, mỗi con người có những sở thích, sở trường, sở đoản riêng, sự đa dạng ấy làm nên cuộc sống phong phú trong xã hội hiện đại và là mảnh đất dễ nẩy nở tài năng sáng tạo. Tôn trọng và phát triển cá tính người học, không được hạn chế hay kìm hãm sự phát triển của mỗi cá nhân, phải mở ra nhiều con đường, nhiều hướng, nhiều cơ hội lựa chọn cho người học để "phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có" ở mỗi người học. *Phát triển GD hướng tới người học, thực hiện dạy học phân hóa,* phát triển năng lực người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng (phát triển các trường năng khiếu; phân hóa GD trung học phổ thông theo hướng tự chọn phù hợp với sở thích, khả năng của người học); tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển KT-XH, từng bước xây dựng xã hội học tập; tạo cơ hội giúp cho mọi người phát huy được tài năng, trí tuệ, sở trường, năng lực của mình, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của quá trình đổi mới toàn diện nước ta mà Đảng đang thực hiện.

Nhà nước cần có những chính sách ưu tiên về đầu tư đối với các vùng, miền khó khăn để nâng cao chất lượng GD, đạt được mặt bằng chung; có chính sách đặc biệt đối với các đối tượng là người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách (chính sách học phí, học bổng, tín dụng...). Xây dựng hệ thống GD mở, phân luồng và liên thông trong toàn bộ hệ thống để tạo điều kiện cho mỗi người dân học tập bằng mọi hình thức, học suốt đời.

2.3. *Hội nhập quốc tế về GD trên cơ sở giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, chủ quyền, định hướng xã hội chủ nghĩa.* Hội nhập quốc tế nhằm thu hút các nguồn đầu tư từ các nước và tổ chức quốc tế để phát triển GD. Khuyến khích các cơ sở GD trong nước hợp tác với các cơ sở GD nước ngoài trong đào tạo nhân lực và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí GD.

2.4. *Lấy chất lượng làm trọng tâm, ưu tiên nâng cao chất lượng trong mối quan hệ với tăng quy mô GD; tập trung vào quản lí chất lượng; phân tầng chất lượng GD đáp ứng nhu cầu đa dạng và năng lực của hệ thống, năng lực của người học*

a) Ưu tiên nâng cao chất lượng GD, chuyển từ mô hình phát triển theo chiều rộng sang mô hình phát triển theo chiều sâu, coi trọng GD đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành và ngoại ngữ.

- Chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng. Phát triển hệ thống chuẩn chất lượng *và quản lí chất lượng theo chuẩn* (chuẩn cơ sở GD, chuẩn nghề nghiệp của GV và CBQLGD; chuẩn kiểm định chất lượng các trường và chương trình GD); thực hiện định kì đánh giá quốc gia về chất lượng học tập của học sinh phổ thông; lựa chọn mô hình phù hợp quản lí chất lượng cơ sở GD và chương trình đào tạo;

- Nâng cao chất lượng phổ cập GD mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học, THCS (phổ cập bền vững) và chất lượng đào tạo nhân lực, đặc biệt là một bộ phận nhân lực chất lượng cao;

- Giảm tốc độ tăng chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng và đại học, đảm bảo đến 2020 đạt khoảng 350 – 400 SV/vạn dân; nâng tỉ lệ GV đại học có trình độ tiến sĩ lên 25% và đảm bảo tỉ lệ SVĐH/GV là 20.

b) Phân tầng chất lượng GD đáp ứng nhu cầu đa dạng và phù hợp với năng lực của hệ thống, năng lực của người học.

Phân tầng chất lượng GD để thực hiện định hướng phân hóa trong GD, phù hợp với sự phân hóa về năng lực của người học ở từng lứa tuổi và từng cấp học, trình độ đào tạo.

Phân tầng chất lượng GD, trong đó có bộ phận dành cho đại trà học sinh, sinh viên và bộ phận chất

lượng cao (hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu, các lớp cử nhân tài năng, các trường dạy nghề và đại học xuất sắc, đại học trọng điểm). Xây dựng và phát triển các cơ sở GD trọng điểm, chất lượng cao để đào tạo, bồi dưỡng các tài năng cho đất nước, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các ngành KT-XH, thực hiện một trong ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển KT-XH 2011-2020. Các cơ sở GD chất lượng cao sẽ là mô hình làm đầu tàu lôi kéo các cơ sở GD khác phát triển.

Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở GD chất lượng cao, trước hết là các trường THPT chuyên, các trường đại học và đại học sư phạm, sư phạm kĩ thuật trọng điểm. Phát triển các chương trình GD đại học và nghề nghiệp đạt trình độ quốc tế nhằm cung cấp nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

c) Thực hiện định kì đánh giá quốc gia về chất lượng học tập của học sinh phổ thông và thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở GD của các cấp học, trình độ đào tạo và kiểm định các chương trình GD nghề nghiệp, đại học.

2.5. Đảm bảo định hướng XHCN của GD trong nền kinh tế thị trường

- Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư, chăm lo cho GD phổ cập và phổ cập GD bền vững, GD cho những đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, tạo cơ hội cho mọi người học thường xuyên, học suốt đời; đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực liên quan tới an ninh quốc gia (quân sự, công an), các lĩnh vực đặc biệt cần được ưu tiên (ngành sư phạm, các ngành khoa học cơ bản, đào tạo mũi nhọn, các ngành có nhu cầu cần đào tạo nhưng khó tuyển sinh, v.v...).

- Trong đào tạo nhân lực, Nhà nước điều tiết bằng các cơ chế, chính sách. Các doanh nghiệp, người sử dụng lao động phải có trách nhiệm đầu tư phát triển đào tạo nhân lực, cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật phục vụ đào tạo, cơ sở thực tập cho sinh viên, chuyên gia tham gia quá trình phát triển chương trình và tham gia đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo, tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Không thị trường hóa đào tạo nhân lực nhưng phát triển đào tạo nhân lực phải tuân thủ các quy luật của thị trường, đặc biệt là quy luật cung cầu (cung – cầu nhân lực), quy luật cạnh tranh (trong tuyển sinh, cạnh tranh nội bộ các trường trong nước và cạnh tranh quốc tế). Nhà nước cần có cơ chế, chính sách để điều tiết phát triển đào tạo nhân lực, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở GD, đặc biệt giữa các cơ sở GD Việt Nam với các cơ sở GD nước ngoài. Hợp tác và cạnh tranh vừa là cơ hội, vừa tạo động lực để phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng GD.

2.6. Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục

Đổi mới cơ chế tài chính để đảm bảo huy động, phân bổ và sử dụng sao cho có hiệu quả; đầu tư tập trung, tránh tư tưởng dàn đều và đầu tư dàn trải, đầu tư đến đâu chuẩn hóa đến đó. Đổi mới chính sách tài chính đảm bảo công bằng trong cạnh tranh giữa các cơ sở GD Việt Nam với các cơ sở GD nước ngoài, nâng cao chất lượng ở những cơ sở GD có điều kiện (các cơ sở GD chất lượng cao) để thu hút con em những gia đình Việt Nam và con em người nước ngoài vào học.

2.7. Đổi mới căn bản quản lí nhà nước về GD và quản lí cơ sở GD

- Tập trung xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách đồng bộ tạo hành lang pháp lí triển khai thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GD;

- Thống nhất đầu mối quản lí nhà nước và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lí nhà nước về GD từ trung ương xuống địa phương;

- Thực hiện đồng bộ việc phân cấp quản lí GD. Hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong quản lí GD theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm; *tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD* đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch về chất lượng GD, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của các cơ sở GD; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân; thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh lành mạnh tạo động lực phát triển GD;

- Hoàn thiện cơ cấu hệ thống GD quốc dân. Xây dựng hệ thống GD đa dạng về phương thức học tập, bảo đảm liên thông và phân luồng trong toàn bộ hệ thống, đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển KT-XH, tạo cơ hội học tập thường xuyên và học suốt đời;

- Thực hiện quản lí theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển GD và quy hoạch phát triển nhân lực của từng ngành, địa phương trong từng giai đoạn phù hợp tình hình phát triển KT-XH, quốc phòng - an ninh;

- Đổi mới căn bản về chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQLGD:

Đảng và Nhà nước cần có chính sách đặc biệt đối với đội ngũ nhà giáo và CBQLGD vì: GD vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển KT-XH, là nhân tố quyết định sự phát triển xã hội, thực hiện sứ mệnh nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao cho đất nước, trong đó đội ngũ nhà giáo và CBQLGD có vai trò quyết định;

Thực hiện các chính sách ưu đãi về vật chất và

tinh thần tạo động lực cho các nhà giáo và CBQLGD, nhất là nhà giáo công tác tại vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn. *Chuẩn hóa trong tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và CBQLGD bằng cách thay đổi chính sách tuyển dụng, đánh giá, chế độ đãi ngộ, khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh*; có chính sách đặc biệt nhằm thu hút các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm và uy tín trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở các trường đại học để nâng tỉ lệ giảng viên trong các trường đại học có trình độ tiến sĩ lên 25% vào năm 2020. Có chính sách học bổng đặc biệt để thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm.

2.8. Đổi mới chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông

- Giảm tải thông qua chương trình và sách giáo khoa, qua đổi mới tổ chức dạy học và phương pháp giảng dạy, xây dựng các chương trình tích hợp (đặc biệt ở tiểu học) và các môn học, hoạt động tự chọn để thực hiện phân hóa trong dạy học (đặc biệt ở trung học phổ thông);

- *Chương trình và sách giáo khoa phổ thông mới được xây dựng theo* định hướng phát triển năng lực học sinh, vừa đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, vừa phù hợp với đặc thù mỗi địa phương. Chú trọng nội dung giáo dục đạo đức, pháp luật, các giá trị văn hóa truyền thống. *Tăng cường áp dụng các chương trình GD tiên tiến trên thế giới đối với GD nghề nghiệp và đại học; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về trình độ ngoại ngữ và tin học của học sinh, sinh viên.*

2.9. Đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống sư phạm

Quy hoạch lại hệ thống đào tạo sư phạm theo hướng:

- Tập trung phát triển các trường đại học đơn ngành sư phạm trọng điểm đào tạo giáo viên mầm non và phổ thông, các trường đại học sư phạm kĩ thuật trọng điểm để nâng cao chất lượng đào tạo GV;

- Bỏ hệ đào tạo GV mầm non trình độ trung cấp và GV phổ thông trình độ cao đẳng; tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng một bộ phận GV mầm non, GV phổ thông có trình độ đào tạo trên chuẩn; tổ chức đào tạo liên thông nâng cấp lên trình độ đại học cho đội ngũ GV trình độ trung cấp và cao đẳng hiện có;

- Phát triển cả 2 mô hình đào tạo song song (như hiện nay) và nối tiếp để đào tạo GV mầm non và phổ thông ở các trường đại học sư phạm trọng điểm và GV kĩ thuật ở các trường đại học sư phạm kĩ thuật;

- Chuẩn hóa trong đào tạo GV. Các trường đại học và khoa sư phạm, sư phạm kĩ thuật phải đi trước, đón đầu để đổi mới nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành đội ngũ nhà giáo và CBQLGD đủ sức thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015;

- Đảm bảo từng bước có đủ GV thực hiện GD toàn diện theo chương trình GD mầm non và phổ thông mới, dạy học 2 buổi/ngày, GV dạy ngoại ngữ, GV tư vấn học đường và hướng nghiệp, GV giáo dục đặc biệt.

3. Nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Giáo dục (KHGD) Việt Nam với việc đổi mới căn bản và toàn diện nền GD

Trong giai đoạn 2011 - 2020, các hoạt động của Viện sẽ tập trung vào các hoạt động nghiên cứu và triển khai theo các chức năng và nhiệm vụ của Viện, ưu tiên phục vụ quản lí Nhà nước về GD và tư vấn hỗ trợ các ngành, các địa phương, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện GD nước ta, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng XI, Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 sau khi được Chính phủ phê duyệt, Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

3.1. Định hướng

Trong giai đoạn 2011-2020, với tư cách là Viện nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục, Viện tập trung các nghiên cứu theo 2 hướng: 1) Các nghiên cứu cơ bản để xây dựng nền KHGD trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; 2) Các nghiên cứu cảnh báo, nghiên cứu đón đầu, nghiên cứu ứng dụng, triển khai để xây dựng những luận cứ khoa học và những giải pháp khả thi cho việc đổi mới căn bản, toàn diện GD Việt Nam, hướng đến một nền GD hiện đại, mang bản sắc Việt Nam, đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu KHGD.

3.2. Các giải pháp

a) Tổ chức lực lượng tham gia xây dựng Đề án "Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam" do Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ GD&ĐT chủ trì, chuẩn bị soạn thảo văn kiện của Trung ương về GD.

b) Triển khai hệ thống các đề tài nghiên cứu cơ bản về KHGD: Những vấn đề về triết lí, tư tưởng, quan điểm phát triển GD trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, tạo nền tảng xây dựng các chuyên ngành của KHGD: Kinh tế học giáo dục; Xã hội học giáo giáo dục; Tâm lí học và Sinh lí học lứa tuổi; Khoa học Quản lí GD; GD học mầm non; GD học phổ thông; GD học nghề nghiệp; GD học đại học.

c) Triển khai các chương trình và đề tài nghiên cứu về độc lập cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Viện, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc ban hành các chính sách, các quyết định trong quản lí ngành, triển

khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 sau khi được Chính phủ phê duyệt, đặc biệt là các nghiên cứu về:

- Quản lí nhà nước về GD: Tái cơ cấu hệ thống GD quốc dân; cơ chế quản lí vĩ mô cấp hệ thống (các chính sách GD; phân cấp quản lí, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong quản lí nhà nước về GD theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; các chính sách gắn đào tạo với sử dụng, chính sách quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc đầu tư phát triển đào tạo nhân lực, v.v...); phân luồng và liên thông trong hệ thống GD; mô hình quản lí của các cơ sở GD (mô hình tổ chức, quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD); chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng; xây dựng xã hội học tập;

- *Hệ thống đào tạo sư phạm:* Mô hình đào tạo; chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD;

- *Nghiên cứu các mô hình cơ sở GD tiên tiến.* Tập trung đầu tư phát triển các trường sư phạm, các khoa sư phạm tại các trường đại học. Phát triển hệ thống các trường phổ thông chuyên; xây dựng một số cơ sở và chương trình GD đại học và nghề nghiệp đạt trình độ quốc tế nhằm cung cấp nhân lực chất lượng cao cho đất nước;

- *Chính sách tạo động lực phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQLGD;* các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và CBQLGD;

- *Tiếp tục triển khai các nghiên cứu phục vụ xây dựng và triển khai đề án "Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015":* Đánh giá chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực học sinh; hệ thống chuẩn trong giáo dục phổ thông; chương trình tích hợp; phân hóa trong dạy học vừa đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, vừa phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có ở mỗi người học, mỗi đối tượng người học, phù hợp với đặc thù mỗi địa phương; giáo dục giá trị, đạo đức, pháp luật, thể chất và các giá trị văn hóa truyền thống;

- *Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; quản lí chất lượng GD* (các mô hình quản lí chất lượng GD; đánh giá kết quả dạy học và giáo dục, thi, kiểm tra, v.v...).

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng và triển khai các đề án, dự án: Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2011 – 2015; Đề án ngoại ngữ Quốc gia; Đề án dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài; Dạy tiếng Việt cho người dân tộc thiểu số; Dự án Dạy học song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ cho người dân tộc; Chương trình và sách giáo khoa dành cho người khuyết tật, v.v...

e) Phổ biến, tham gia triển khai và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 theo sự phân công của Bộ GD&ĐT; triển khai các dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và tập huấn cho các địa phương, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 khi có nhu cầu.

f) Làm đầu mối thu hút trí tuệ của các chuyên gia, các nhà khoa học GD vào việc đề xuất và triển khai các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu; đầu mối liên kết, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu KHGD với các Viện, Trung tâm nghiên cứu thuộc các trường đại học sư phạm trong cả nước.

4. Kết luận

Phát triển KHGD là một trong những giải pháp chiến lược trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020; nghiên cứu KHGD cần được Nhà nước ưu tiên đầu tư. Tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu của cơ quan nghiên cứu KHGD Quốc gia, đặc biệt là xây dựng đội ngũ chuyên gia nghiên cứu GD giỏi, là góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện nền GD nước ta trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020*, Hà Nội, 10/2011.

3. Phan Văn Kha, *Phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí KHGD, số 14 tháng 11/2006.

4. Phan Văn Kha, *Phát triển đội ngũ giảng viên và bài toán tương quan giữa quy mô với chất lượng giáo dục đại học*, Tạp chí KHGD, số 31 tháng 4/2008.

5. Phan Văn Kha, *Hợp tác, cạnh tranh - Cơ hội và động lực phát triển giáo dục*, Tạp chí KHGD, số 22 tháng 7/2007.

SUMMARY

The article deals with some issues related to the radical and comprehensive renovation of Vietnam education in the direction of standardization, modernization, socialization, democratization and international integration. The author also identifies the role played by the Vietnam Institute of Educational sciences in scientific research.